

QUẢN TRỊ ĐO ANH NGHIỆP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THỬ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Mã lớp học phần: 25111MH110213301 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: ST

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ân	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài	Ân	04/09/2006	C26CK1	<u>HN</u>	6.0	Sáu	
2	2410040012	Trần Tấn	Danh	19/05/2006	C26CK1	<u>Davy</u>	5.5	Năm nữa	
3	2410040023	Lê Nhật	Duy	08/04/2006	C26CK1	<u>OM</u>	5.0	Năm	
4	2410040026	Nguyễn Hoàng	Duy	02/07/2006	C26CK1	<u>Duy</u>	6.0	Sáu	
5	2410040018	Nguyễn Khánh	Duy	11/07/2006	C26CK1	<u>Duy</u>	6.5	Sáu nữa	
6	2410040022	Nguyễn Trí	Duy	14/08/2006	C26CK1	<u>Trí</u>	7.5	Bảy nữa	
7	2410040015	Bao Thành	Giới	28/12/2006	C26CK1	<u>GT</u>	5.0	Năm	
8	2410040014	Phạm Phúc	Hậu	05/01/2006	C26CK1	<u>Ph</u>	6.0	Sáu	
9	2410040031	Lê Gia	Huy	15/03/2005	C26CK1	<u>Huy</u>	6.0	Sáu	
10	2410040004	Nguyễn Khắc	Huy	01/06/2006	C26CK1	<u>KH</u>	5.5	Năm nữa	
11	2410040003	Trần Gia	Huy	21/6/2006	C26CK1	<u>A</u>	5.5	Năm nữa	
12	2410040007	Nguyễn Tuấn	Kha	12/11/2006	C26CK1	<u>KH</u>	7.5	Bảy nữa	
13	2410040017	Nguyễn Tuấn	Khang	26/07/2006	C26CK1	<u>KH</u>	6.0	Sáu	
14	2410040025	Nguyễn Văn	Linh	26/10/2006	C26CK1	<u>LV</u>	5.0	Năm	
15	2410040029	Trần Minh	Luân	28/02/2006	C26CK1	<u>LM</u>	5.5	Năm nữa	
16	2410030001	Nguyễn Trọng	Nghĩa	11/10/2006	C26CK1	<u>NT</u>	5.0	Năm	
17	2410040008	Hồ Nguyễn Thành	Nhân	30/01/2006	C26CK1	<u>NH</u>	6.0	Sáu	
18	2410040020	Lê Minh	Nhật	15/03/2006	C26CK1	<u>LM</u>	5.5	Năm nữa	
19	2410040027	Trần Hoàng	Phúc	10/08/2006	C26CK1	<u>TH</u>	6.0	Sáu	
20	2410040030	Bùi Thanh	Sang	12/01/2006	C26CK1	<u>BT</u>	5.5	Năm nữa	
21	2410040006	Lê Lê Anh	Sự	18/8/2006	C26CK1	<u>LA</u>	6.0	Sáu	
22	2410040013	Võ Thành	Thái	15/11/2006	C26CK1	<u>VT</u>	6.0	Sáu	
23	2410040019	Đặng Lê Quốc	Thịnh	18/08/2006	C26CK1	<u>DL</u>	6.5	Sáu nữa	
24	2410040024	Nguyễn Trung	Trực	05/09/2006	C26CK1	<u>NT</u>	6.0	Sáu	
25	2410040021	Lương Lê	Tứ	12/05/2005	C26CK1	<u>LT</u>	5.5	Năm nữa	
26	2410040009	Phạm Như	Xuân	01/01/2006	C26CK1	<u>PN</u>	6.5	Sáu nữa	



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Mã lớp học phần: 25111MH110213301 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040045	Nguyễn Tuấn Duy	02/06/2006	C26CK2	<u>Duy</u>	6.5	Sáu năm	
2	2410040037	Lê Vũ Hào	18/12/2005	C26CK2	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	
3	2410040036	Lê Minh Kha	15/05/2006	C26CK2	<u>Kha</u>	6.5	Sáu năm	
4	2410040033	Trần Nguyễn Anh Khoa	18/01/2006	C26CK2	<u>Khoa</u>	7.0	Bảy	
5	2410040048	Võ Anh Kiệt	21/02/2006	C26CK2	<u>Kiệt</u>	8.0	Tám	
6	2410040032	Hà Khánh Luân	04/10/2005	C26CK2	<u>Luân</u>	7.5	Bảy năm	
7	2410040042	Lê Đình Tấn Phát	14/03/2002	C26CK2	<u>Phat</u>	6.5	Sáu năm	
8	2410100013	Nguyễn Hoàng Phát	10/02/2005	C26CK2	<u>Phat</u>	6.5	Sáu năm	
9	2410040050	Nguyễn Huỳnh Long Phi	17/08/2006	C26CK2	<u>Phi</u>	6.0	Sáu	
10	2410040034	Nguyễn Hữu Sang	02/06/2005	C26CK2	<u>Sang</u>	7.0	Bảy	
11	2410040043	Nguyễn Anh Tài	11/04/2006	C26CK2	<u>Tai</u>	6.0	Sáu	
12	2410040038	Lê Hoài Thương	01/02/2006	C26CK2	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	
13	2410040053	Đoàn Nguyễn Quốc Tuấn	25/10/2005	C26CK2	<u>Tuan</u>	6.5	Sáu năm	
14	2410040039	Nguyễn Tuấn Vũ	18/03/2006	C26CK2	<u>Vu</u>	6.5	Sáu năm	
15	2410040041	Nguyễn Gia Yên	01/06/2006	C26CK2	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 0 . Số bài thi: 15 / 15 .

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 20 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Cao Thế Oanh

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 26 / 26 .

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 20..tháng 10..năm...2024

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Cao Thị Oanh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Mã lớp học phần: 25111MH110213301 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: TA

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài Ân	04/09/2006	C26CK1	<u>Danh</u>	6.5	Sai nữa	
2	2410040012	Trần Tấn Danh	19/05/2006	C26CK1	<u>Danh</u>	6.0	Sai.	
3	2410040023	Lê Nhật Duy	08/04/2006	C26CK1	<u>OM</u>	6.0	Sai.	
4	2410040026	Nguyễn Hoàng Duy	02/07/2006	C26CK1	<u>Duy</u>	6.5	Sai nữa.	
5	2410040018	Nguyễn Khánh Duy	11/07/2006	C26CK1	<u>Duy</u>	6.5	Sai nữa	
6	2410040022	Nguyễn Trí Duy	14/08/2006	C26CK1	<u>Trí</u>	7.5	Bảy nữa	
7	2410040015	Bao Thành Giới	28/12/2006	C26CK1	<u>Tha</u>	6.0	Sai.	
8	2410040014	Phạm Phúc Hậu	05/01/2006	C26CK1	<u>Phu</u>	6.5	Sai nữa	
9	2410040031	Lê Gia Huy	15/03/2005	C26CK1	<u>Huy</u>	6.0	Sai.	
10	2410040004	Nguyễn Khắc Huy	01/06/2006	C26CK1	<u>Huy</u>	6.0	Sai.	
11	2410040003	Trần Gia Huy	21/6/2006	C26CK1	<u>Huy</u>	6.0	Sai.	
12	2410040007	Nguyễn Tuấn Kha	12/11/2006	C26CK1	<u>Kha</u>	8.0	Tám.	
13	2410040017	Nguyễn Tuấn Khang	26/07/2006	C26CK1	<u>Khang</u>	6.0	Sai.	
14	2410040025	Nguyễn Văn Linh	26/10/2006	C26CK1	<u>Linh</u>	6.0	Sai.	
15	2410040029	Trần Minh Luân	28/02/2006	C26CK1	<u>Luân</u>	6.0	Sai.	
16	2410030001	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/10/2006	C26CK1	<u>Ng</u>	6.0	Sai.	
17	2410040008	Hồ Nguyễn Thành Nhân	30/01/2006	C26CK1	<u>Nhân</u>	6.5	Sai nữa	
18	2410040020	Lê Minh Nhật	15/03/2006	C26CK1	<u>Nhật</u>	6.0	Sai.	
19	2410040027	Trần Hoàng Phúc	10/08/2006	C26CK1	<u>Phúc</u>	6.5	Sai nữa	
20	2410040030	Bùi Thanh Sang	12/01/2006	C26CK1	<u>Sang</u>	6.0	Sai.	
21	2410040006	Lê Lê Anh Sự	18/8/2006	C26CK1	<u>Sự</u>	7.0	Bảy.	
22	2410040013	Võ Thành Thái	15/11/2006	C26CK1	<u>Thái</u>	6.5	Sai nữa	
23	2410040019	Đặng Lê Quốc Thịnh	18/08/2006	C26CK1	<u>Thịnh</u>	7.5	Bảy nữa	
24	2410040024	Nguyễn Trung Trục	05/09/2006	C26CK1	<u>Trục</u>	6.0	Sai	
25	2410040021	Lương Lê Tứ	12/05/2005	C26CK1	<u>Tứ</u>	6.0	Sai.	
26	2410040009	Phạm Như Xuân	01/01/2006	C26CK1	<u>Xuân</u>	7.5	Bảy nữa.	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 26 / 26 .

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 20 tháng 0 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Cao Miêu



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Mã lớp học phần: 25111MH110213301 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: ST

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040045	Nguyễn Tuấn Duy	02/06/2006	C26CK2	Duy	6.0	Sáu .	
2	2410040037	Lê Vũ Hào	18/12/2005	C26CK2	Hào	6.0	Sáu .	
3	2410040036	Lê Minh Kha	15/05/2006	C26CK2	Kha	6.0	Sáu .	
4	2410040033	Trần Nguyễn Anh Khoa	18/01/2006	C26CK2	Khoa	6.5	Sáu năm .	
5	2410040048	Võ Anh Kiệt	21/02/2006	C26CK2	Kiệt	7.5	Bảy năm .	
6	2410040032	Hà Khánh Luân	04/10/2005	C26CK2	Luân	7.0	Bảy .	
7	2410040042	Lê Đình Tấn Phát	14/03/2002	C26CK2	Phát	5.5	Năm năm .	
8	2410100013	Nguyễn Hoàng Phát	10/02/2005	C26CK2	Phát	6.5	Sáu năm .	
9	2410040050	Nguyễn Huỳnh Long Phi	17/08/2006	C26CK2	Phi	5.5	Năm năm .	
10	2410040034	Nguyễn Hữu Sang	02/06/2005	C26CK2	Sang	6.5	Sáu năm .	
11	2410040043	Nguyễn Anh Tài	11/04/2006	C26CK2	Tài	5.5	Năm năm .	
12	2410040038	Lê Hoài Thương	01/02/2006	C26CK2	Thương	7.0	Bảy .	
13	2410040053	Đoàn Nguyễn Quốc Tuấn	25/10/2005	C26CK2	Tuấn	6.5	Sáu năm .	
14	2410040039	Nguyễn Tuấn Vũ	18/03/2006	C26CK2	Vũ	6.0	Sáu .	
15	2410040041	Nguyễn Gia Yên	01/06/2006	C26CK2	Yên	6.0	Sáu .	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 0 . Số bài thi: 15 / 15 .

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 10 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thế Oanh

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THÍ BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Mã lớp học phần: 25111MH110213301 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Chữ ký]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210040096	Lê Phước Hải	26/03/2004	C24CK3	<u>Hải</u>	<u>5.5</u>	<u>Năm học</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Ngày:tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Chữ ký]
ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 22 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Chữ ký]
Cao Thế Oanh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Mã lớp học phần: 25111MH110213301 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210040096	Lê Phước Hải	26/03/2004	C24CK3	<u>Hải</u>	<u>6.0</u>	<u>Sáu</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 .

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 20 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Cao Thế Oanh

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Công nghệ chế tạo máy - MH1102133

Giám thị 1: Nguyễn Tiến Dũng

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25111MH110213301

Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: Dương Minh Tâm

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 14/11/2025

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: A1.8

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài Ân	04/09/2006		1	2,5	Hai, năm	C26CK1	
2	2410040012	Trần Tấn Danh	19/05/2006		1	3,5	Ba năm	C26CK1	
3	2410040023	Lê Nhật Duy	08/04/2006		1	2,0	Hai	C26CK1	
4	2410040018	Nguyễn Khánh Duy	11/07/2006		1	2,0	Hai	C26CK1	
5	2410040022	Nguyễn Trí Duy	14/08/2006		1	8,0	Tám	C26CK1	
6	2410040045	Nguyễn Tuấn Duy	02/06/2006		1	3,5	Ba, năm	C26CK2	
7	2410040015	Bao Thành Giới	28/12/2006		1	3,0	Ba	C26CK1	
8	2210040096	Lê Phước Hải	26/03/2004		1	3,5	Ba, năm	C24CK3	
9	2410040037	Lê Vũ Hào	18/12/2005		1	3,0	Ba	C26CK2	
10	2410040014	Phạm Phúc Hậu	05/01/2006		1	6,0	Sáu	C26CK1	
11	2410040031	Lê Gia Huy	15/03/2005		1	4,0	Bốn	C26CK1	
12	2410040004	Nguyễn Khắc Huy	01/06/2006		1	2,5	Hai, năm	C26CK1	
13	2410040003	Trần Gia Huy	21/6/2006		na	0	Không	C26CK1	
14	2410040036	Lê Minh Kha	15/05/2006		1	6,0	Sáu	C26CK2	
15	2410040007	Nguyễn Tuấn Kha	12/11/2006		1	8,5	Tám, năm	C26CK1	
16	2410040017	Nguyễn Tuấn Khang	26/07/2006		1	3,5	Ba, năm	C26CK1	
17	2410040033	Trần Nguyễn Anh Khoa	18/01/2006		1	2,5	Hai, năm	C26CK2	
18	2410040048	Võ Anh Kiệt	21/02/2006		1	7,5	Bảy, năm	C26CK2	
19	2410040025	Nguyễn Văn Linh	26/10/2006		1	2,5	Hai, năm	C26CK1	
20	2410040029	Trần Minh Luân	28/02/2006		1	4,5	Bốn, năm	C26CK1	
21	2410030001	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/10/2006		1	3,0	Ba	C26CK1	
22	2410040008	Hồ Nguyễn Thành Nhân	30/01/2006		1	3,5	Ba, năm	C26CK1	
23	2410040020	Lê Minh Nhật	15/03/2006		1	2,5	Hai, năm	C26CK1	
24	2410040042	Lê Đình Tấn Phát	14/03/2002		1	5,0	Năm	C26CK2	
25	2410100013	Nguyễn Hoàng Phát	10/02/2005		1	5,0	Năm	C26CK2	
26	2410040050	Nguyễn Huỳnh Long Phi	17/08/2006		1	4,0	Bốn	C26CK2	
27	2410040027	Trần Hoàng Phúc	10/08/2006		1	6,0	Sáu	C26CK1	
28	2410040030	Bùi Thanh Sang	12/01/2006		1	4,0	Bốn	C26CK1	
29	2410040034	Nguyễn Hữu Sang	02/06/2005		1	3,0	Ba	C26CK2	
30	2410040006	Lê Lê Anh Sự	18/8/2006		1	5,5	Năm năm	C26CK1	
31	2410040043	Nguyễn Anh Tài	11/04/2006		1	5,5	Năm năm	C26CK2	
32	2410040013	Võ Thành Thái	15/11/2006		1	6,0	Sáu	C26CK1	
33	2410040019	Đặng Lê Quốc Thịnh	18/08/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26CK1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410040038	Lê Hoài	Thương	01/02/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26CK2	
35	2410040024	Nguyễn Trung	Trực	05/09/2006		1	5,5	Năm, năm	C26CK1	
36	2410040053	Đoàn Nguyễn Quốc	Tuấn	25/10/2005		1	6,0	Sáu	C26CK2	
37	2410040021	Lương Lê	Tú	12/05/2005		1	4,0	Bốn	C26CK1	
38	2410040039	Nguyễn Tuấn	Vũ	18/03/2006		1	2,5	Hai, năm	C26CK2	
39	2410040009	Phạm Như	Xuân	01/01/2006		1	9,0	Chín	C26CK1	
40	2410040041	Nguyễn Gia	Yên	01/06/2006		1	2,0	Hai	C26CK2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 40 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 40 / 40.

Số sinh viên đạt: 21. Tỷ lệ đạt: 52,5%

Ngày 21 tháng 11 năm 2015

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 20 tháng 11 năm 2015

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CĐBC
**PHÒNG QUẢN
VÀ BẢO ĐẢM**